

CÔNG TY
TNHH MỘT
THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
DAI-ICHI LIFE
VIỆT NAM

Digitally signed by
CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ DAI-
ICHI LIFE VIỆT NAM
Date: 2023.04.17
09:38:44 +07'00'



Dai-ichi Life Vietnam
Fund Management - **DFVN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT

NĂM 2022
YEAR 2022

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

Năm 2022

Year 2022

I. Thông tin chung / General information

1. Thông tin khái quát / General information

- Tên giao dịch / Trading name:	Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) / Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited (“The Company”)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số / License of establishment and operation No.:	53/GP-UBCK
- Vốn Điều lệ / Charter capital:	VND 27.500.000.000
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu / Owner's capital:	VND 27.500.000.000
- Chủ sở hữu / Owner:	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam / Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Ltd. Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM / Floor 11 th , 149-151 Nguyen Van Troi, Ward 11, Phu Nhuan district, HCM City
- Địa chỉ trụ sở chính / Head office's address:	
- Số điện thoại / Telephone:	(028) 3810 0888
- Số fax / Fax:	(028) 3844 9835
- Website:	http://www.dfvn.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển / Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay) / Foundation and development process (date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Ngày 10/02/2014 On 10 th February 2014	Công ty được cấp giấy phép thành lập bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) và được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: (i) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; (ii) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán The Company License is issued by State Securities Commission (“SSC”) with business sectors including: (i) Securities investment fund management; (ii)
--	---

	<i>Securities portfolio management and (iii) Securities investment advisory.</i>
Ngày 30/12/2014 <i>On 30th December 2014</i>	Công ty nhận được Thông báo xác lập thành lập Quỹ thành viên của UBCKNN, tên là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam. Tuy nhiên, Quỹ đã kết thúc thời hạn hoạt động ba (03) năm và hoàn tất việc giải thể Quỹ vào ngày 28/03/2018. <i>The Company has been issued by SSC the Notification on the establishment of Equity member fund, namely Dai-ichi Life Vietnam Equity Member Fund. However, the Fund terminated the operational term of three (03) years and completed the dissolution on 28th March 2018.</i>
Ngày 16/10/2018 <i>On 16th October 2018</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình Quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”). <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the Initial Public Offering of Open-ended Fund for DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”).</i>
Ngày 03/01/2019 <i>On 03rd January 2019</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”). <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the establishment of Public Fund for DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”).</i>
Ngày 20/10/2020 <i>On 20th October 2020</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình Quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN-FIX”). <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the Initial Public Offering of Open-ended Fund for DFVN Fixed Income Fund (“DFVN-FIX”).</i>
Ngày 04/02/2021 <i>On 04th February 2021</i>	Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN-FIX”). <i>The Company has been issued by SSC the Certificate of the establishment of Public Fund for DFVN Fixed Income Fund (“DFVN-FIX”).</i>

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / Lines and locations of the business:

- **Ngành nghề kinh doanh / Lines of the business** (Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / *Specify major lines of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*):
 - Nghiệp vụ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán / *Business of securities portfolio management.*
- **Địa bàn kinh doanh / Location of business** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*):
 - Công ty đóng trụ sở chính ở thành phố Hồ Chí Minh / *The Company has the head office in Ho Chi Minh city.*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý / Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị / Governance model

- (a) Hội đồng Thành viên / *Member's Council*;
- (b) Kiểm soát viên / *Inspector*;
- (c) Tổng Giám đốc điều hành / *Chief Executive Officer*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý / Management structure

- (a) Hội đồng Thành viên / *Member's Council*;
- (b) Kiểm soát viên / *Inspector*;
- (c) Tổng Giám đốc điều hành / *Chief Executive Officer*;
- (d) Các phòng ban bao gồm: (i) Đầu tư; (ii) Kiểm soát Nội bộ; (iii) Nghiệp vụ Quản lý Quỹ; (iv) Phát triển kinh doanh và (v) Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / *The divisions include: (i) Investment; (ii) Internal Control; (iii) Fund Services Operations; (iv) Business Development and (v) Corporate Planning and Risk Management.*

- Các công ty con, công ty liên kết / Subsidiaries, associated companies

- Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết / *The Company currently does not have any subsidiaries, associated companies.*

4. Định hướng phát triển / Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company

- Trở thành Công ty Quản lý Quỹ thuộc nhóm dẫn đầu về uy tín và hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng; không ngừng phát triển và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

To become a Fund Management Company in the leading group which brings customers prestige and investment efficiency; continuously develop and improve the organizational structure, professional working environment, risk management policy in accordance with international standards in order to meet the customer needs which are increasing and diverse.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn / Development strategies in medium and long term

- Duy trì kết quả đầu tư vượt trội / *Maintain outstanding investment results*

Công ty đang được ủy thác quản lý tài sản từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, trong đó bao gồm các Quỹ liên kết đơn vị thuộc Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đầu tư. Hiện tại, Công ty đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”), là loại hình Quỹ mở nhằm mang đến cho nhà đầu tư, đặc biệt là các khách hàng cá nhân trong nước cơ hội đầu tư sinh lời trên Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam và Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) là Quỹ mở thứ hai, đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng ngại rủi ro, mong muốn sự ổn định và hài lòng với mức lợi nhuận kỳ vọng vừa phải. Giá trị mà các Quỹ mở mang lại cho nhà đầu tư có được là nhờ duy trì kỷ luật trong chiến lược đầu tư, nhưng linh hoạt và hiệu quả khi giải ngân đầu tư, kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường. Trong năm 2022, trong bối cảnh TTCK trong nước và quốc tế biến động mạnh do tác động tiêu cực từ các sự kiện xung đột địa chính trị, lạm phát cao, nguy cơ suy thoái kinh tế ...

danh mục đầu tư của khách hàng tổ chức, các quỹ đầu tư do Công ty quản lý đã được chủ động điều hành linh hoạt, hạn chế rủi ro biến động thị trường, mang lại giá trị và niềm tin cho khách hàng, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân với những hạn chế về thời gian, thông tin và kinh nghiệm, tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán thông qua quỹ. Kế hoạch năm 2023, Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa, tìm kiếm cơ hội để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư, quản trị rủi ro với tài sản ủy thác và (các) quỹ đầu tư do Công ty quản lý; chú trọng và nâng cao trải nghiệm của khách hàng nhằm đáp ứng tốt yêu cầu và kì vọng của khách hàng và nhà đầu tư, thông qua việc đưa vào sử dụng nền tảng giao dịch Quỹ mở trực tuyến – DFVN iTRUST.

The Company manages the capital entrusted by Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam Limited, including Unit-link Fund of investment-linked investment product. Currently, the Company is managing DFVN Capital Appreciation Fund ("DFVN-CAF"), in the form of Open-ended Fund in order to bring investors, especially local investors, opportunities for profitable investment on Vietnam securities market and DFVN Fixed Income Fund ("DFVN-FLX"), is the second Open-ended fund to meet the investment need of the customers who are risk-adverse and wish to have the stability and satisfaction with the reasonable expected return. The value of Open-ended Funds brings the investors due to maintained discipline in investment strategy but being flexible, efficient when disbursing investment, timely grasping the market opportunities. In 2022, in the context of strong fluctuations in domestic and international securities markets due to negative impacts from geopolitical conflicts, high inflation, and the risk of economic recession, the portfolio of institutional customer and funds, which are managed by the Company, are actively and flexibly operated, limits the risks of market movement and bring the value and trust for the customers, especially for individual investors investing in the securities market with limited time, information and experience. As the plan for year 2023, the Company will make the more effort, look for investment opportunities in order to continuously maintain and enhance the investment efficiency, risk management with the entrustment assets, funds managed by the Company; improve customer experience to adopt customer needs and expectation better and better, through the introduction of the Open-ended fund online transaction platform – DFVN iTRUST.

- Chú trọng phát triển sản phẩm đầu tư phục vụ khách hàng cá nhân trong nước / Focus on developing investment products affordable for individual customers

TTCK Việt Nam trong vài năm trở lại đây cho thấy sự phát triển mạnh và bền vững hơn, trở thành một trong những kênh đầu tư mang lại hiệu quả sinh lời tốt nhất trong dài hạn. Bên cạnh đó, trong ngắn hạn, TTCK luôn biến động và hàm chứa rủi ro, nên sẽ là rào cản lớn cho nhà đầu tư cá nhân mới tham gia thị trường. Vì vậy, thống kê cho thấy, tỷ trọng người dân Việt Nam tham gia và hưởng lợi từ những cơ hội đầu tư trên TTCK để tích lũy tài sản làm giàu cho tương lai là không nhiều. Nguyên nhân là do (1) Phần lớn trong số họ bị hạn chế về thời gian, kiến thức, kinh nghiệm và thông tin thị trường; (2) Một số khác lại có xu hướng tự đầu tư và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trên mức hợp lý với hy vọng làm giàu nhanh chóng. Công ty sẽ nỗ lực không ngừng nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ (Quỹ mở, Quỹ Hưu trí tự nguyện...) chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đầu tư, tích lũy tài sản cho cuộc sống tương lai của rất nhiều người dân Việt Nam.

The Vietnam securities market in recent years has shown a stronger, sustainable development and becomes one of the best investment channels with the high profitability in long term. Besides, in the short term, the securities market is always movable and contains the risk, so it will be big barrier for new individual investor to participate the market. Therefore, the statistic has shown that the

proportion of Vietnamese people participating in and benefiting from the securities market to accumulate the capital for future enrichment is not a large number. The reason is that (1) most of them are limited to time, knowledge, experience and market information; (2) Others tend to invest on their own and are willing to take risks on the reasonable basis to get rich quickly as their wish. The Company will endeavor to provide the high-quality products and services (Open-ended fund, Voluntary pension fund...) to meet the demand for investment and asset accumulation for the future life of many Vietnamese people.

Sau khi cho ra đời loại hình Quỹ mở, Công ty cũng tiếp tục nghiên cứu về khuôn khổ pháp lý, điều kiện thị trường, mô hình kinh doanh và các bước chuẩn bị cho sự ra đời của Quỹ Hưu trí Bổ sung Tự nguyện phù hợp nhất với điều kiện Việt Nam.

After the Open-ended fund has been established, the Company continues to conduct the steps for researching legal framework, market condition, business concept and the preparation for Additional voluntary pension fund which will be suitable for the conditions in Vietnam.

- **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community sustainability***
- Công ty luôn chú trọng tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong việc định hướng phát triển hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.
The Company always focuses on community responsibilities in the orientation of business development in order to ensure the best benefits for customer, investor and other related parties.

5. Các rủi ro / *Risks:*

- **Nhóm rủi ro chiến lược / *Strategic risk group***

Đây là nhóm rủi ro cao mà Công ty có thể phải gánh chịu dẫn đến hậu quả Công ty có sự quyết định chiến lược không phù hợp hoặc Công ty không thể hoàn thành chiến lược đã đề ra. Ví dụ:

This is the high-level risk group that the Company makes inappropriate strategic choices or is unable to successfully implement selected strategies. For example:

- Rủi ro môi trường kinh tế: là rủi ro do sự suy thoái đột ngột của nền kinh tế.
Economic environment risk: the risk for the loss due to a sudden downturn of the economy.

- **Nhóm rủi ro tài chính / *Financial risk group***

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại đe dọa đến tình hình tài chính của Công ty. Ví dụ:

This is the risk group for the loss which shall make a threat to current financial status. For example:

- Rủi ro thanh khoản / tín dụng: là rủi ro bị lỗ tiền vốn gốc hoặc khoản tiền lời do đối tác không thanh toán tiền hoặc không tuân theo nghĩa vụ theo hợp đồng.
Default / Credit risk: the risk for the loss of principal or financial reward stemming from a debtor's failure to repay money or otherwise meet a contractual obligation.
- Rủi ro thị trường: là rủi ro gây ra thiệt hại do sự biến động giá thị trường của tài sản hoặc công cụ tài chính.
Market risk: the risk for the loss due to movements of market price of assets or financial tools.
- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro trong đó Công ty không thể bán tài sản hoặc chuyển đổi tài sản

thành tiền mặt với giá trị hợp lý do thiếu tính thanh khoản.

Liquidity risk: the risk in which the Company is unable to sell assets or convert them into cash with reasonable value due to liquidity shortage.

- Rủi ro chi tiêu: rủi ro trong kế hoạch kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi các chi phí bất ngờ phát sinh vượt quá số tiền ngân sách.

Expenditure risk: the risk in which the Company business plan is affected by unexpected costs incurred in excess of budgeted amount.

- **Nhóm rủi ro hoạt động / Operational risk group**

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại do lỗi quá trình tác nghiệp nội bộ, con người, hệ thống hoặc các yếu tố bên ngoài. Ví dụ:

This is the risk group for the loss from inadequate or failed internal processes, people and systems or from external factors. For example:

- Rủi ro con người: là rủi ro gây ra thiệt hại do thiếu hụt nhân viên có trình độ.
Human resource risk: the risk for the loss due to shortage of qualified employees.
- Rủi ro lỗi hệ thống: là rủi ro gây ra thiệt hại bởi lỗi vận hành trong quá trình quản lý danh mục đầu tư hoặc quản lý quỹ đầu tư.
Operational error risk: the risk for the loss due to operational errors in the process of portfolio or fund management.
- Nhóm rủi ro công nghệ: là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại liên quan đến IT.
IT risk group: the risk group for the loss related to IT issues.

- **Nhóm rủi ro tuân thủ / Compliance risk group**

Đây là nhóm rủi ro do Công ty hoặc nhân viên Công ty không tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ quỹ, bản cáo bạch, quy định nội bộ.

This is the risk group in which the Company or employees does not comply with the legal regulations, fund charter, prospectus, internal rules.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022/ Business operations of year 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh / Situation of production and business operations

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm / Results of business operations in the year:**

- Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư: Trong năm 2022, doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 93,87 tỷ đồng (trong đó doanh thu quản lý danh mục đầu tư là 91,14 tỷ đồng chiếm 97,09% tổng doanh thu, doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là 2,73 tỷ chiếm 2,91% tổng doanh thu), tăng 18,98% so với năm 2021. Công ty phát triển doanh thu theo định hướng bền vững, doanh thu tăng trong khi vẫn đảm bảo an toàn và luôn kiểm soát được rủi ro. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục hoàn thành việc tăng trưởng doanh thu trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, kết quả là đã có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2021.

For the operation of portfolio management: In 2022, the total revenue reached VND93.87 billion (from portfolio management operation and fund management operation reached VND91.14 billion accounted 97.09% of total revenue; and VND2.73 billion accounted 2.91% of total revenue respectively), increased 18.98% comparing to year 2021. The revenue is developed by the Company based on the sustainability orientation, this thing means that the revenue increases while securing the

capital and controlling risks. In 2022, the Company continues to complete the mission of revenue development in portfolio management operation, and the result is that there is a considerable increase in revenue compared to year 2021.

2. Tổ chức và nhân sự / Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành / List of the Board of Management

- Ông Trần Châu Danh – Tổng Giám đốc điều hành / Mr. Tran Chau Danh – Chief Executive Officer;
- Ông Masafumi Takeshita – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / Mr. Masafumi Takeshita – Assistant Director, Head of Corporate Planning and Risk Management Division;
- Ông Đặng Vị Thanh – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Kinh doanh / Mr. Dang Vi Thanh – Assistant Director, Head of Business Development Division;

- Những thay đổi trong Ban điều hành / Changes in the Board of Management

- Trong năm 2022, Công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

In the year 2022, the Company did not have any changes on the Board of Management.

- **Số lượng nhân viên trong Công ty tính đến cuối năm 2022** là 18 người. Công ty luôn cố gắng xây dựng, phát triển chính sách nhân sự đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho người lao động.

The number of the Company employees as of the end year 2022 is 18 people. The Company always tries to establish, develop HR policies to ensure the better benefits for employees.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án / Investment activities, project implementation

- Năm 2022, Công ty đầu tư tài chính ngắn hạn (nhỏ hơn 12 tháng) tại các Ngân hàng TMCP trong nước bằng VND. Tổng số tiền đầu tư là 171,5 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư của Công ty mang tính an toàn, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho Công ty.

In 2022, the Company has the short-term (less than 12 months) financial investments at local Joint Stock Commercial Banks. The invested amount is VND171.5 billion. The investment activities of the Company have the nature of safety and bring the stable income to the Company.

4. Tình hình tài chính / Financial situation

a) Tình hình tài chính / Financial situation

(Đơn vị tính / Unit: VND)

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ Total asset	167,354,855,068	221,688,084,549	32.47%
Nợ phải trả/Total Liability	9,465,985,444	8,350,706,208	-11.78%
Doanh thu/ Revenue	78,900,178,430	93,876,487,709	18.98%
Thuế và các khoản phải nộp/ Taxes and payables	(11,236,278,345)	(14,089,321,959)	25.39%
Lợi nhuận trước thuế/ Before tax profit	54,377,136,313	69,537,830,676	27.88%
Lợi nhuận sau thuế/ After tax profit	43,140,857,968	55,448,508,717	28.53%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / Major financial benchmarks

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm/Year 2021	Năm/Year 2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	18.80	29.42	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	5.66%	3.77%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	6.00%	3.91%	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	54.68%	59.07%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	27.32%	25.99%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	25.78%	25.01%	
4. Quy mô vốn/ Capital scale			
Vốn điều lệ/ Charter Capital	25,000,000,000	27,500,000,000	
Tổng tài sản có/ Total assets	167,354,855,068	221,688,084,549	
5. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
Khả năng thanh toán ngay/Short term solvency	5.12	7.69	
Khả năng thanh toán chung/ General solvency	4.65	6.75	

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty / Report related impact of the Company on the environment and society

5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường / Compliance with the law on environmental protection:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment:
Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / The Company has not been fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động / Policies related to employees

a) Số lượng cán bộ, nhân viên trong công ty đến cuối năm 2022 / The number of Company employee as of the ending of year 2022: 18 người / 18 people.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers

- Công ty có chính sách về quyền lợi cho người lao động đảm bảo về môi trường làm việc an toàn, sức khỏe, phúc lợi và chính sách chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn giúp người lao động luôn được bảo vệ trước những rủi ro trong công việc và cuộc sống.
The Company has the policies about the employee's benefits to ensure the safety environment working, health, compensation and the policy of health care, accident insurance which helps the employees

protected by unexpected risks in work and life.

c) Hoạt động đào tạo người lao động / Training employees

- **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên / The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.**

- Công ty luôn khuyến khích người lao động học tập, phát triển bản thân và không giới hạn số lượng giờ đào tạo cho mỗi học viên. Công ty có chính sách hỗ trợ để người lao động có cơ hội được học tập nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển bản thân.

The Company always encourages employees in learning, developing; the training hours are not limited to each trainee. The Company has the policy to support employees in learning opportunities to improve their professional capacity and develop.

- **Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp / The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.**

- Công ty tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan đến chứng khoán và quản lý quỹ. Ngoài ra, nhân viên trong Công ty luôn có cơ hội tham gia đào tạo nội bộ về năng lực và kỹ năng mềm.

The Company provides suitable conditions to attend training courses in the major of securities and fund management. In addition, the employees have the opportunity to attend training courses of soft skill and capacity.

5.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility

for local community: Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng / *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty mẹ - Dai-ichi Life Việt Nam luôn dành sự quan tâm cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng. Trong suốt 15 năm qua, bên cạnh nỗ lực kinh doanh hiệu quả, Dai-ichi Life Việt Nam tự hào tiên phong khởi xướng nhiều dự án hỗ trợ cộng đồng ý nghĩa với tổng số tiền đóng góp lên đến trên 60 tỷ đồng.

The parent company – Dai-ichi Life Vietnam always pays attention to community support activities. During the past 15 years, besides the endeavour for an effective business, Dai-ichi Life Vietnam is proud to pioneer many meaningful community projects with the contribution of over VND 60 billion.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc / Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty / The Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / Assessment of operating results

- **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây / General analysis of company's operations against the targets and previous operating results**

- Tổng doanh thu công ty năm 2022 đạt 93,87 tỷ đồng, tăng 18,98% so với doanh thu năm 2021. Trong đó, doanh thu trong cả 02 hoạt động quản lý danh mục đầu tư và quản lý quỹ đều tăng.

The Company revenue of year 2022 reaches VND93,87 billion, increased 18,98% comparing to year 2021. Whereas, the revenue of the both operation of portfolio and fund management increase.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được / The Company's achievements

- Kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động / *Effective control of operation expenses;*
- Tăng trưởng doanh thu / *Growth in revenue;*
- Định hướng phát triển bền vững / *Orientation for sustainable development.*

2. Tình hình tài chính / Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets:

- Tổng tài sản: Tính đến ngày 31/12/2022 là 221,68 tỷ đồng, tăng 32,47% so với năm 2021 / *The total asset: VND221.68 billion VND as of 31st December 2022, increases 32.47% comparing to year 2021.*
- Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 25,01% / *The Return on Asset (ROA) is 25.01%.*
- Vốn chủ sở hữu: 213,33 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022), tăng 35,12% so với năm 2021 / *The shareholder capital is VND213.33 billion (as of 31st December 2022), increased 35.12% comparing to year 2021.*
- Lợi nhuận sau thuế: 55,44 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022), tăng 28,53% so với năm 2021 / *The profit after tax is VND55.44 billion (as of 31st December 2022), increased 28.53% comparing to year 2021.*

b) Tình hình nợ phải trả / Liabilities

- Tổng nợ phải trả của công ty tính đến 31/12/2022 là 8,35 tỷ đồng.
Total liability of the Company as of 31st December 2022 is VND8,35 billion.
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản là 3,77% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 3,91%. Nợ phải trả chiếm một tỉ trọng không đáng kể so với Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu.
Debt/Total assets ratio is 3.77% and Debt/Total shareholder capital is 3.91%. The liability accounted a trival proportion comparing to Total asset and Shareholder capital.
Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.
The Company does not have any outstanding debts which impact the exchange rate changes on operating result of the Company, and the cost of borrowing to the Company's results.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / Improvements in organizational structure, policies, management

- Công ty thường xuyên rà soát lại các quy định, chính sách nội bộ và thực hiện sửa đổi quy định nếu cần thiết để đảm bảo phù hợp hoạt động của Công ty.
The Company often reviews the internal policies, rules and amends rules in case that it is necessary to ensure be suitable for the Company operation.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai / Development plans in the future

- Công ty hoạt động kinh doanh với định hướng an toàn, hiệu quả tạo nên sự phát triển bền vững, lâu dài.
The Company operates in a safe and effective manner, creates a sustainable and long-term

development.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) / Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved)

Không có / None

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty / Assessment Report related to environmental and social responsibility of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) / Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Tuy là một Công ty Quản lý quỹ, hoạt động kinh doanh hầu như không có ảnh hưởng đến môi trường nhưng Công ty luôn xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.

Although the Company is a type of fund management company and the operation business do not have any impact on the environment, but the Company always establishes the culture of environmental protection.

- Công ty luôn tuân thủ những quy định về môi trường.

The Company always complies with the regulations of environment.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động / Review concerning the problems of workers

- Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc tốt cho người lao động như đã đề cập ở Mục II, Điều 5.2 ở trên.

The Company always makes effort to create a good working environment for employees as mentioned in Section II, Article 5.2 above.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương / Review concerning corporate responsibility towards the local community

- Công ty đã có những đóng góp cho cộng đồng như đã đề cập Mục II, Điều 5.3 ở trên.

The Company had the contributions for the community as mentioned in Section II, Article 5.3 above.

IV. Báo cáo tài chính / Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán / Auditor's opinions: Phụ lục 1 / Appendix 1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán / Audited financial statements: Phụ lục 2 / Appendix 2

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



**Trần Châu Danh
TỔNG GIÁM ĐỐC**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 / ANNUAL REPORT YEAR 2022

PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1

Báo cáo Kiểm toán độc lập / Independent Auditors' Report



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00165-23-1



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 / ANNUAL REPORT YEAR 2022

PHỤ LỤC 2/APPENDIX 2

Báo cáo Tài chính được kiểm toán / Audited Financial Statements



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

53/GP-UBCK	ngày 10 tháng 2 năm 2014
47/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2018
72/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 8 năm 2022
07/GPĐC-UBCK	ngày 16 tháng 1 năm 2023

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Đình Quân	Chủ tịch
Ông Takashi Fujii	Thành viên
Ông Seigo Fujimaru	Thành viên
Ông Trần Châu Danh	Thành viên
Ông Masato Negishi	Thành viên
	(từ ngày 25 tháng 7 năm 2022)
Ông Norimitsu Kawahara	Thành viên
	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)

Tổng Giám đốc

Ông Trần Châu Danh

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Châu Danh

Trụ sở đăng ký

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi
Phường 11, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam **Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		215.875.058.599	161.625.783.610
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.375.499.234	3.271.014.440
Tiền	111		1.375.499.234	3.271.014.440
Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		171.500.000.000	136.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	171.500.000.000	136.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.448.626.530	22.044.518.900
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	18.094.588.524	16.649.498.435
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	6.354.038.006	5.395.020.465
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.550.932.835	310.250.270
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	1.550.932.835	310.250.270
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		5.813.025.950	5.729.071.458
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	443.000.000
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	5.000.000	443.000.000
Tài sản cố định	220		5.062.032.040	821.750.550
Tài sản cố định hữu hình	221	9	327.132.424	694.371.800
<i>Nguyên giá</i>	222		2.359.424.100	2.415.029.100
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.032.291.676)	(1.720.657.300)
Tài sản cố định vô hình	227	10	4.734.899.616	127.378.750
<i>Nguyên giá</i>	228		9.750.070.684	4.558.108.148
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.015.171.068)	(4.430.729.398)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.801.688.432
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.801.688.432
Tài sản dài hạn khác	260		745.993.910	662.632.476
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	390.542.631	354.129.957
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	355.451.279	308.502.519
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		221.688.084.549	167.354.855.068

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.350.706.208	9.465.985.444
Nợ ngắn hạn	310		7.336.706.208	8.595.985.444
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.298.556.958	3.486.027.417
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	13	5.816.840.396	4.827.082.595
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		221.308.854	282.875.432
Nợ dài hạn	330		1.014.000.000	870.000.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	14	1.014.000.000	870.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		213.337.378.341	157.888.869.624
Vốn chủ sở hữu	410		213.337.378.341	157.888.869.624
Vốn góp	411	15	27.500.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		-	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		183.337.378.341	127.888.869.624
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		221.688.084.549	167.354.855.068

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	17	114.231.223.250	168.520.323.698
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		114.231.223.250	168.520.323.698
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	18	42.161.222.207.686	33.415.953.343.947
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		42.161.222.207.686	33.415.953.343.947
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	19	17.020.567.632	7.107.404.950
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	20	18.737.048.362	36.398.593.273

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B02 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	21	93.876.487.709	78.900.178.430
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.196.147.136	6.764.511.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	33.539.804.169	31.287.553.414
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 – 25)	30		69.532.830.676	54.377.136.507
Doanh thu khác	31		5.000.000	-
Chi phí khác	32		-	194
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.000.000	(194)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.537.830.676	54.377.136.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	14.136.270.719	11.332.600.309
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	24	(46.948.760)	(96.321.964)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		55.448.508.717	43.140.857.968

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

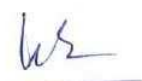
	Mã số	2022 VND	2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	69.537.830.676	54.377.136.313
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	951.681.046	910.537.428
Các khoản dự phòng	03	145.000.000	144.999.956
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.201.147.136)	(6.764.511.491)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	61.433.364.586	48.668.162.206
Tăng các khoản phải thu	09	(327.159.679)	(6.033.345.012)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	929.132.120	(486.752.125)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.277.095.239)	922.801.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16.326.682.075)	(9.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.432.559.713	33.370.866.461
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(1.390.274.104)	(155.277.100)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.000.000	-
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(171.500.000.000)	(136.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	136.000.000.000	97.200.000.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	7.557.199.185	7.589.701.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.328.074.919)	(31.365.575.881)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	15.104.484.794	2.005.290.580
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	3.271.014.440	1.265.723.860
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	18.375.499.234	3.271.014.440

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B05 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2021	1/1/2022	2021		2022		31/12/2021	31/12/2022
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn góp	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	2.500.000.000	-	25.000.000.000	27.500.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	(2.500.000.000)	2.500.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	84.748.011.656	127.888.869.624	43.140.857.968	-	55.448.508.717	-	127.888.869.624	183.337.378.341
	114.748.011.656	157.888.869.624	43.140.857.968	-	57.948.508.717	(2.500.000.000)	157.888.869.624	213.337.378.341

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
*Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng*

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 1 năm 2023. Thời gian hoạt động của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 50 năm.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 27.500 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Tổng số nhân viên của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 18 nhân viên (31/12/2021: 17 nhân viên) trong đó có 14 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2021: 15 nhân viên).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

(f) Những thay đổi trong chính sách kế toán

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 (“Thông tư 114”) do Bộ Tài chính ban hành bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Công ty do việc áp dụng Thông tư 114 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(m).



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp văn phòng 5 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị, chi phí thiết kế website và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Thông tư 212”) và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 146”), công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2022/002 ngày 28 tháng 1 năm 2022.

(j) Dự phòng

Ngoài các khoản dự phòng được trình bày tại các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

M.S.C.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để phân phối lợi nhuận.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022

Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.

Căn cứ Công văn chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 83399/UBCK-QLQ ngày 21 tháng 12 năm 2022, Nghị quyết số MC2022-10 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chủ sở hữu, và Nghị quyết số MC2022-05 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Thành viên thông qua việc tăng vốn điều lệ. Hội đồng Thành viên của Công ty đã tiến hành việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác được định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
<i>Tiền gửi tại ngân hàng</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.290.580.412	3.186.133.343
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.918.822	84.881.097
<i>Các khoản tương đương tiền (i)</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	17.000.000.000	-
	18.375.499.234	3.271.014.440

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là 6,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (31/12/2021: không có).

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	46.500.000.000	6.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	40.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.000.000.000	86.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	37.000.000.000	24.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông	22.000.000.000	20.000.000.000
	171.500.000.000	136.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 5,0% đến 8,2% (31/12/2021: từ 4,9% đến 6,6%).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	17.875.995.169	16.407.201.098
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFCN (“DFCN – CAF”) (ii)	170.289.901	193.968.849
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFCN (“DFCN – FIX”) (iii)	48.303.454	48.328.488
	18.094.588.524	16.649.498.435

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFCN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (iii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFCN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	5.970.621.930	4.331.673.979
Tạm ứng cho người lao động (i)	296.000.000	1.028.000.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác (ii)	87.416.076	35.346.486
	6.354.038.006	5.395.020.465

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 213.000.000 VND và có kỳ hạn từ trên ba tháng đến dưới 12 tháng là 83.000.000 VND.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 79.416.076 VND (31/12/2021: 27.346.486 VND).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tạm ứng cho người lao động	-	438.000.000
Cầm cổ, ký cược và phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
	5.000.000	443.000.000

8. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phí bảo trì phần mềm máy vi tính	1.089.292.002	8.960.417
Phí truy cập dữ liệu	103.455.000	103.455.000
Chi phí khác	358.185.833	197.834.853
	1.550.932.835	310.250.270

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	157.127.209	197.002.748	354.129.957
Tăng trong năm	327.032.816	72.152.400	399.185.216
Phân bổ trong năm	(132.423.902)	(230.348.640)	(362.772.542)
	351.736.123	38.806.508	390.542.631

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	228.519.500	2.186.509.600	2.415.029.100
Thanh lý	-	(55.605.000)	(55.605.000)
Số dư cuối năm	228.519.500	2.130.904.600	2.359.424.100
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	195.193.740	1.525.463.560	1.720.657.300
Khấu hao trong năm	33.325.760	333.913.616	367.239.376
Thanh lý	-	(55.605.000)	(55.605.000)
Số dư cuối năm	228.519.500	1.803.772.176	2.032.291.676
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	33.325.760	661.046.040	694.371.800
Số dư cuối năm	-	327.132.424	327.132.424

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản với nguyên giá là 1.118.777.000 VND (31/12/2021: 890.257.500 VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.558.108.148
Tăng trong năm	1.182.185.062
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.009.777.474
Số dư cuối năm	9.750.070.684
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.430.729.398
Khấu hao trong năm	584.441.670
Số dư cuối năm	5.015.171.068
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	127.378.750
Số dư cuối năm	4.734.899.616

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 4.558.108.148 VND (31/12/2021: 4.054.843.148 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	152.651.279	134.502.519
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	202.800.000	174.000.000
		355.451.279	308.502.519

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập cá nhân	156.997.684	3.266.113.730	(3.264.172.833)	158.938.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.329.029.733	14.136.270.719	(16.325.682.075)	1.139.618.377
Thuế khác	-	430.840.845	(430.840.845)	-
	3.486.027.417	17.833.225.294	(20.020.695.753)	1.298.556.958

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	5.053.584.000	4.154.570.000
Chi phí khác	763.256.396	672.512.595
	5.816.840.396	4.827.082.595

14. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	870.000.000	725.000.044
Trích lập dự phòng trong năm	145.000.000	144.999.956
Chi bồi thường cho nhà đầu tư	(1.000.000)	-
Số dư cuối năm	1.014.000.000	870.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

15. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2022		31/12/2021	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”)	27.500.000.000	100%	25.000.000.000	100%

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của vốn góp trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Chuyển từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.500.000.000	-
Số cuối năm	27.500.000.000	25.000.000.000

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Trong vòng một năm	773.725.272	481.670.000
Trong vòng hai đến năm năm	3.255.168.220	-
	4.028.893.492	481.670.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

17. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác liên quan đến khoản tiền gửi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ). Chi tiết các khoản tiền gửi theo các quỹ của công ty mẹ như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị		
Tiền gửi ngân hàng	87.167.025.138	114.197.450.708
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung		
Tiền gửi ngân hàng	17.768.576.673	45.036.239.260
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện		
Tiền gửi ngân hàng	30.310.655	977.121.571
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống		
Tiền gửi ngân hàng	9.265.310.784	8.309.512.159
	114.231.223.250	168.520.323.698

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, chi tiết theo các quỹ như sau:

	Số lượng	31/12/2022	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Số lượng	31/12/2021	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị								
Chứng khoán vốn niêm yết	45.014.926	1.835.237.711.583		1.636.601.514.900	16.746.247	759.492.990.704		834.423.685.100
Chứng khoán nợ	672.489	126.692.864.800		128.582.680.000	370.000	36.692.864.800		53.563.380.000
Tiền gửi có kỳ hạn		292.150.000.000		292.150.000.000		173.140.000.000		173.140.000.000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung								
Chứng khoán nợ	175.774.487	20.773.240.206.796		19.674.924.483.570	117.845.366	16.803.151.165.706		19.772.104.808.376
Tiền gửi có kỳ hạn		2.529.600.000.000		2.529.600.000.000		868.400.000.000		868.400.000.000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện								
Chứng khoán nợ	1.267.920	126.627.350.000		133.848.100.000	1.150.010	126.627.350.000		164.810.150.000
Tiền gửi có kỳ hạn		91.100.000.000		91.100.000.000		88.280.000.000		88.280.000.000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống								
Chứng khoán nợ	130.080.352	12.987.674.074.507		13.103.242.697.416	89.775.072	12.132.668.972.737		15.370.600.887.454
Tiền gửi có kỳ hạn		3.398.900.000.000		3.398.900.000.000		2.427.500.000.000		2.427.500.000.000
		42.161.222.207.686		40.988.949.475.886		33.415.953.343.947		39.752.822.910.930

(*) Giá thị trường của các khoản đầu tư được xác định theo các điều khoản về xác định giá thị trường được quy định trong hợp đồng quản lý danh mục với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

19. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu cổ tức	6.330.382.000	1.908.115.600
Phải thu bán cổ phiếu	10.690.185.632	5.199.289.350
	17.020.567.632	7.107.404.950

20. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	17.875.995.169	16.407.201.098
Phải trả mua cổ phiếu	861.053.193	19.991.392.175
	18.737.048.362	36.398.593.273

21. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN (i)	91.143.440.897	76.418.356.366
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (ii)	2.731.519.212	2.481.822.064
Doanh thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ mở	1.527.600	-
	93.876.487.709	78.900.178.430

- (i) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ bảo hiểm truyền thống, Quỹ Liên kết Đầu tư, Quỹ Liên kết chung và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 6 năm 2014.
- (ii) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) và Quỹ Đầu tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	132.813.824.473	155.356.470.595
DFVN-FIX	Quỹ đầu tư	Số 02/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2021	63.434.389.971	63.074.823.316

Theo điều lệ quỹ của DFVN-CAF và DFVN-FIX, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX. Phí quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX lần lượt được tính là 1,5% và 0,9% trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của mỗi Quỹ trong một năm tài chính. Phí quản lý quỹ được tính tại các kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	9.196.147.136	6.764.511.491

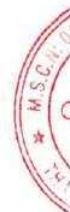
23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Lương và các chi phí theo lương	22.454.196.031	21.295.511.612
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	6.079.962.994	5.410.005.756
Công cụ dụng cụ và văn phòng phẩm	3.096.623.218	3.063.379.634
Khấu hao tài sản cố định	951.681.046	910.537.428
Chi phí công tác, vận chuyển	678.201.120	314.888.688
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	144.999.956
Thuế và phí khác	20.000.000	31.500.000
Chi phí khác	114.139.760	116.730.340
	33.539.804.169	31.287.553.414

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)



24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	14.139.618.377	11.229.029.733
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(3.347.658)	103.570.576
	14.136.270.719	11.332.600.309
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(46.948.760)	(96.321.964)
	14.089.321.959	11.236.278.345

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.537.830.676	54.377.136.313
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.907.566.135	10.875.427.263
Chi phí không được khấu trừ thuế	185.103.482	257.280.506
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(3.347.658)	103.570.576
	14.089.321.959	11.236.278.345

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong năm

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2022	2021
	VND	VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phí quản lý danh mục đầu tư	91.143.440.897	76.418.356.366
Chi phí trả hộ Công ty	20.765.942.955	23.156.170.061
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	2.162.444.212	1.974.576.589
<i>Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN – FIX") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	569.075.000	507.245.475

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày báo cáo, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	17.875.995.169	16.407.201.098
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	170.289.901	193.968.849
<i>Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN – FIX") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	48.303.454	48.328.488

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 17, Thuyết minh 18, Thuyết minh 19 và Thuyết minh 20.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

26. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	18.375.499.234	3.271.014.440
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	171.500.000.000	136.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iii)	18.094.588.524	16.649.498.435
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	6.354.038.006	5.395.020.465
Phải thu dài hạn khác	(iii)	5.000.000	443.000.000
		214.329.125.764	161.758.533.340

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty và có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

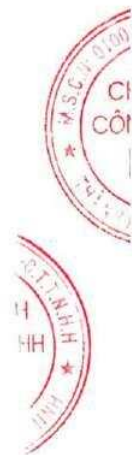
Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.816.840.396	5.816.840.396	5.816.840.396
Phải trả ngắn hạn khác	221.308.854	221.308.854	221.308.854
	6.038.149.250	6.038.149.250	6.038.149.250
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.827.082.595	4.827.082.595	4.827.082.595
Phải trả ngắn hạn khác	282.875.432	282.875.432	282.875.432
	5.109.958.027	5.109.958.027	5.109.958.027

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)



(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	18.375.499.234	3.271.014.440
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	171.500.000.000	136.000.000.000
	189.875.499.234	139.271.014.440

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của khoản mục này được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	171.500.000.000	171.500.000.000	136.000.000.000	136.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	18.375.499.234	18.375.499.234	3.271.014.440	3.271.014.440
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	18.094.588.524	18.094.588.524	16.649.498.435	16.649.498.435
▪ Phải thu ngắn hạn khác	6.346.038.006	6.346.038.006	5.387.020.465	5.387.020.465
▪ Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	443.000.000	443.000.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	763.256.396	763.256.396	672.512.595	672.512.595
▪ Phải trả ngắn hạn khác	221.308.854	221.308.854	282.875.432	282.875.432

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư của khoản mục này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của khoản mục này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)



27. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
*Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng*

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc



